

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG ANA  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 5 năm 2024

V/v ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Anh Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Kim Quy và ông Phạm Thế Chiến.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa:**  
Bà Hòk Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2024/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 02 năm 2024 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Hồng N, sinh năm 1996. (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

*Bị đơn:* Anh Dương Công S, sinh năm 1995.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn H, xã E1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Tạm trú: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Hồng N trình bày:**

Chị N kết hôn với anh Dương Công S vào ngày 31/10/2016, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống ở thôn Hòa T, xã E1 một thời gian, sau đó đi làm ăn ở Tp. Hồ Chí Minh, đến năm 2021 thì vợ chồng về cư trú tại thôn T, xã E, huyện K cho đến nay. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân là do không hòa hợp, bất đồng về quan điểm, không có tiền nói chung, mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra làm cho hai bên rất căng thẳng, hiện hai người đã sống ly thân 04 tháng nay. Nhận thấy giữa chị và anh S không còn tình cảm, không còn thương yêu nhau, nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Dương Công S.

+ Về con chung: Chị và anh S có 01 con chung là Dương Trần Khánh L, sinh ngày 13/5/2017. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi đủ tuổi thành niên.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn anh Dương Công S trình bày:**

Về thời gian, địa điểm kết hôn, và nơi cư trú thống nhất như lời trình bày của chị N; còn mâu thuẫn vợ chồng thì S không đồng ý với lời trình bày của nguyên đơn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng cũng có phát sinh mâu thuẫn, do không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, nhưng mâu thuẫn nhỏ nhất không đáng kể, chỉ lời qua tiếng lại, không có việc đánh đập như chị N trình bày. Sau khi mâu thuẫn xảy ra, chị N đã dẫn con về nhà ngoại ở thôn T, xã E, huyện K Ana để ở, hiện hai người đã sống ly thân 04 tháng nay.

Nhận thấy anh vẫn còn tình cảm với chị N, nên mong muốn được đoàn tụ, không đồng ý ly hôn.

+ Về con chung: Anh S và chị N có 01 con chung, tên là Dương Trần Khánh L, sinh ngày 13/5/2017. Nếu buộc phải ly hôn, Anh đề nghị Tòa án giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Nếu ly hôn, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56; 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

+ Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Hồng N, cho chị N được ly hôn anh Dương Công S.

+ Về con chung: Chị N và anh S có 01 con chung là Dương Trần Khánh L, sinh ngày 13/5/2017, hiện cháu L đang được chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, các đương sự không tranh chấp về nuôi dưỡng con chung, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, còn anh S đồng ý giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Xét về điều kiện thực tế và ý kiến của các bên, cần giao cháu L cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi thành niên, Chị N không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

+ Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị Hồng N khởi kiện ly hôn anh Dương Công S nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: bị đơn anh Dương Công S cư trú tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[1.3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Hồng N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2]. Về các yêu cầu của đương sự:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị Hồng N và anh Dương Công S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K vào ngày 31/10/2016, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hòa hợp, thường xảy ra xung đột, cãi vã nhau. Tại phiên tòa hôm nay phía bị đơn anh S xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và mong muốn đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết xin ly hôn. Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy, vợ chồng anh S, chị N đã xảy ra mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, hiện hai người đã sống ly thân.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh S đã xảy ra trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện hai người đã sống ly thân, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị

N, cho chị N được ly hôn anh S là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. *Về con chung*: Chị N và anh S có 01 con chung là Dương Trần Khánh L, sinh ngày 13/5/2017, hiện cháu L đang được chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, các đương sự không tranh chấp về nuôi dưỡng con chung, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; còn anh S đồng ý giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Xét điều kiện thực tế, ý kiến của các bên và nguyện vọng của con chung, cần giao cháu L cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi thành niên là phù hợp.

*Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị N không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3]. *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[4]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị Hồng N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1]. Điều luật áp dụng:

*Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 56; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.*

[2]. **Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Hồng N

[2.1]. *Về hôn nhân*: Chị Trần Thị Hồng N được ly hôn anh Dương Công S.

[2.2]. *Về nuôi con chung*: Giao con chung là Dương Trần Khánh L, sinh ngày 13 tháng 5 năm 2017 cho chị Trần Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên.

Ghi nhận việc chị N không yêu cầu anh Dương Công S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh S có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[3]. *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[4]. *Về án phí*: Chị Trần Thị Hồng N phải chịu 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000<sup>d</sup> đã nộp

tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Ana, biên lai số 8257 ngày 30 tháng 01 năm 2024.

[5]. Về quyền kháng cáo:

Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Trần Anh Tuấn**